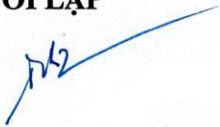


14	Thịt mỡ (lợn trắng) - Thịt tươi	120.000			-		-		-		-		-		-		-
15	Thịt nạc vai (lợn trắng) - Thịt tươi	120.000			-		-		-		-		-		-		-
16	Thịt vai xăn (lợn trắng) - Thịt tươi	110.000			-		-		-		-		-		-		-
17	Thịt nạc vai (xay) - Thịt tươi	110.000	0,10-0,14kg /HS/bữa	52	5.720.000	66	7.260.000	62	6.820.000	50	5.500.000	63	6.930.000	45	4.950.000	60	6.600.000
18	Sườn lợn (lợn trắng) - Thịt tươi	120.000			-		-		-		-		-		-		-
19	Đùi, sườn (gà) - Thịt tươi	100.000	0,13-0,14kg /HS/bữa	60	6.000.000		-	64	6.400.000		-	65	6.500.000		-		-
20	Thịt gà (công nghiệp) nguyên con - Thịt tươi	95.000			-		-		-		-		-		-		-
21	Thịt gà (bản) nguyên con - Thịt tươi	150.000			-		-		-		-		-		-		-
22	Gà hơi (công nghiệp)	85.000			-		-		-		-		-		-		-
23	Gà hơi (gà bản)	130.000			-		-		-		-		-		-		-
24	Vịt bản	85.000			-		-		-		-		-		-		-
25	Ngan đen	80.000			-		-		-		-		-		-		-
26	Lòng, mỡ gà	40.000			-		-		-		-		-		-		-
27	Trứng vịt con so - Vịt nuôi tại Sông Mã	3.500	1-2 quả/HS /bữa		-		-		-		-		-		-		-
28	Trứng vịt (loại I) - Vịt nuôi	3.200	1-2 quả/HS /bữa	500	1.600.000	95	304.000	95	304.000		-	90	288.000		-	650	2.080.000
29	Trứng gà ta	5.000			-		-		-		-		-		-		-
30	Trứng chim cút (kg)	60.000			-		-		-		-		-		-		-
31	Trứng vịt lộn (quả)	6.000			-		-		-		-		-		-		-
32	Rau cải canh	15.000	0,10-0,11kg /HS/bữa	14	210.000	17	255.000	18	270.000	15	225.000	15	225.000	13	195.000	21	315.000
33	Rau ngót	15.000			-		-		-		-		-		-		-
34	Khoai tây (gọt vỏ)	25.000	0,11-0,12kg /HS/bữa		-	23	575.000		-	21	525.000		-	21	525.000	21	525.000
35	Khoai tây loại 2 (chưa gọt vỏ)	20.000			-		-		-		-		-		-		-
36	Khoai sọ	35.000			-		-		-		-		-		-		-
37	Khoai lang Nhật	30.000			-		-		-		-		-		-		-
38	Măng ngọt (chưa bóc vỏ)	35.000			-		-		-		-		-		-		-
39	Măng ngọt (bóc vỏ, thái sợi)	70.000	0,03-0,05kg /HS/bữa	15	1.050.000		-		-	17	1.190.000		-		-		-
40	Hành lá	25.000		1,2	30.000	3	75.000	3,4	85.000	1,8	45.000	2	50.000	1,4	35.000	2,4	60.000
41	Gừng	30.000		0,9	27.000		-	0,4	12.000		-		-		-		-
42	Sả	2.000		6	12.000		-		-		-		-		-		-
43	Mùi tàu	25.000			-		-		-		-		-		-		-
44	Hành tây	20.000			-	8	160.000		-		-		-		-	7	140.000
45	Cà rốt	20.000			-	8	160.000		-		-		-		-	8	160.000

Sông Mã, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP



Đoàn Thị Bích

KẾ TOÁN



Đoàn Thị Bích

CTCĐ



Bùi Thị Thúy

THANH TRA NHÂN DÂN



Trần Đình Thắng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Quyên